

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **172/2022/DS-PT**
Ngày: 19/4/2022
V/v tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh

Bà Lê Thị Hoàng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 19 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/DSPT ngày 28/10/2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 164/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số 647/2022/QĐPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2751/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thái Thị T**, sinh năm 1961 và ông **Lê Hồng P**, sinh năm 1960; cùng địa chỉ thường trú: 458/30 Đường A, khu phố 2, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Bích N, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tịnh Trà, Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và ông Ngô Minh Đ, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: 9/27 tổ 142, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng địa chỉ liên hệ: số 04 Đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 22/02/2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thành Hưng). (*Có mặt*)

- **Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH**; địa chỉ trụ sở: 21 Đường số 48C, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Tổng Minh Nghĩa Q, sinh năm 1967; chức vụ - Giám đốc. *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T, Văn phòng Luật sư SGV – thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Tổng Minh Nghĩa Q**, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: 21 Đường số 48C, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

2. Bà **Lê Hồng T**, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: 458/30 Đường A, khu phố 2, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh *(Có đơn xin vắng mặt)*.

3. Bà **Trần Kim H**, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: 11/4 Đường số 1, tổ 14, khu phố 2, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh *(Có đơn xin vắng mặt)*.

4. **Ngân hàng TMCP V** – Chi nhánh NSG; địa chỉ trụ sở: tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tòa nhà A, số 23 đường L, phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Nguyễn Công K (theo văn bản ủy quyền số 356/UQ-NSG.TT ngày 25/01/2021). *(Có đơn xin vắng mặt)*.

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 27/5/2020, đơn tường trình, nguyên đơn ông Lê Hồng P, bà Thái Thị T có đại diện theo ủy quyền ông Ngô Minh Đ, bà Võ Thị Bích N trình bày:

Vợ chồng ông Lê Hồng P, bà Thái Thị T và đại diện theo pháp luật của công ty DH – ông Tổng Minh Nghĩa Q là chỗ thân thiết với nhau nhiều năm về trước. Dựa vào sự quen biết, tin tưởng lẫn nhau, ngày 30/3/2019, ông P và bà T ký Hợp đồng xây dựng công trình nhà số 458/30 Đường A, khu phố 2, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH do ông Q là đại diện (sau đây gọi là Công ty DH). Nội dung hợp đồng: Công ty DH chịu trách nhiệm thi công công trình nhà số 458/30 Đường A với giá trị hợp đồng: 3.268.000.000đ; phương thức thanh toán, gồm 11 đợt: 10 đợt đầu tiên mỗi đợt 300.000.000đ, Đợt 11: 268.000.000đ, khi công trình được nghiệm thu và bàn giao nhà. Vợ chồng ông P phải cung cấp kịp thời tiền theo tiến độ ứng tiền theo các đợt, giai đoạn thi công công trình.

Thực tế, để thi công ngôi nhà này, vợ chồng ông P phải nhờ con gái là bà Lê Hồng T đứng ra vay ngân hàng V, Chi nhánh NSG số tiền 4.000.000.000đ để thanh toán tiền hợp đồng thi công cho bên Công ty DH. Theo quy định và yêu cầu của ngân hàng, số tiền bốn tỷ nêu trên được chuyển khoản vào tài khoản cá

nhân ông Q thành 08 đợt, mỗi đợt 500.000.000đ theo lệnh ủy nhiệm chi của người đứng tên vay tiền.

Tính đến khi xây dựng xong nhà khoảng cuối tháng 11/2019, tổng cộng Công ty ông Q đã nhận của gia đình ông P: 4.700.000.000đ bao gồm: 700.000.000đ tiền mặt và 4.000.000.000đ theo hình thức chuyển khoản. Khi hai bên giao nhận số tiền có liên quan đến việc thanh toán tiền cho hợp đồng thi công công trình bằng tiền mặt trực tiếp hoặc bằng chuyển khoản đều được ông Q ký nhận ngày thực nhận vào ngay nội dung các đợt thanh toán, tại Điều 5 của Hợp đồng xây dựng công trình công trình nêu trên. Các đợt vợ chồng ông P thanh toán tiền mặt cho công ty ông Q là 700.000.000đ. Thời gian bà Lê Hồng T chuyển tiền vào tài khoản ông Q: Tổng cộng có 08 đợt chuyển khoản, mỗi đợt 500.000.000đ, tổng số tiền: 4.000.000.000đ (có bảng kê của Ngân hàng V). Ngày tháng ông Q rút tiền (có bảng kê của Ngân hàng S): Ngày 03/6/2019; ngày 28/6/2019 mỗi đợt rút 500.000.000đ; ngày 11/7/2019 rút 200.000.000đ; ngày 15/7/2019 rút 300.000.000đ; ngày 23/7/2019 và ngày 21/8/2019 mỗi lần rút 500.000.000đ; ngày 10/9/2019 và ngày 20/9/2019 rút 500.000.000đ; ngày 10/10/2019 và 11/10/2019 rút 500.000.000đ; ngày 14/11/2019 rút 500.000.000đ. Tổng cộng đã chuyển khoản cho Công ty ông Q là 4.000.000.000đ. Ông Q có đưa lại vợ chồng ông P để xoay sở việc gia đình số tiền: 900.000.000đ vào các đợt: Ngày 28/6/2019: 200.000.000đ; ngày 11/7/2019 là 200.000.000đ và 15/7/2019 là 300.000.000đ (để trả nợ cho bà Trần Kim H, các tin nhắn trao đổi zalo giữa bà T và ông Q thể hiện rõ việc ông Q chuyển lại bà T 02 lần với tổng số tiền 500.000.000đ để trả nợ bà H – tương ứng với 02 lần rút tiền của ông Q tại bảng kê trên và bà H làm chứng, xác nhận rằng đã nhận của bà T 500.000.000đ vào 15/7/2019. Sau đó, ông Q có đưa tiếp vào các ngày với số tiền: Ngày 21/8/2019: 100.000.000đ và ngày 20/11/2019: 100.000.000đ. Tổng cộng Công ty ông Q đã nhận của vợ chồng ông P số tiền: 4.700.000.000đ, ông Q đưa lại cho vợ chồng ông P: 900.000.000đ. Công ty ông Q thực nhận của vợ chồng ông P 3.800.000.000đ.

Giá trị hợp đồng ban đầu: 3.268.000.000đ; sau đó chi phí xây dựng phát sinh thêm ngoài hợp đồng: 277.000.000đ – hai bên đã thống nhất được chi phí phát sinh này. Tổng giá trị hợp đồng: 3.545.000.000đ. Công ty ông Q phải hoàn trả lại cho vợ chồng ông P số tiền chênh lệch thừa là 255.000.000đ cộng tiền điện nước do Công ty DH phải chịu khi thi công là 5.600.000đ, công ty ông Q mượn riêng 7.000.000đ, tổng: 12.600.000đ. Tổng số tiền công ty DH phải trả lại cho bà T, ông P: 267.600.000 đồng.

Khi xây dựng xong nhà khoảng cuối tháng 11/2019, vợ chồng ông P yêu cầu ông Q rà soát lại các chi phí, những lần chuyển tiền để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng và hoàn trả lại số tiền còn dư sau khi đã trừ các khoản phát sinh của hợp đồng (vợ chồng ông P biết trong quá trình thi công đã phát sinh thêm chi phí vượt quá giá trị hợp đồng ban đầu (hai bên đã có trao đổi) và quan trọng nhất là vay ngân hàng 4.000.000.000đ nên bắt buộc phải chuyển cho bên thi công đúng 4.000.000.000đ trước – ông Q cũng biết rõ việc này. Tuy nhiên, phía ông Q lại cho rằng, ông đã đưa lại tiền mặt cho vợ chồng ông P tổng số tiền

1.400.000.000đ chứ không phải: 900.000.000đ mặc dù ông Q không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh vợ chồng ông P có nhận dư của ông 500.000.000đ và không chịu ký thanh lý hợp đồng mà còn yêu cầu vợ chồng ông P phải thanh toán tiền phát sinh của hợp đồng là 277.000.000đ. Từ những vấn đề trình bày trên, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty DH tiến hành thanh lý hợp đồng và hoàn trả lại số tiền: 267.600.000 đồng cho vợ chồng ông Lê Hồng P, bà Thái Thị T.

Theo bản tự khai ngày 18/6/2020; biên bản hòa giải ngày 29/01/2021 và ngày 23/3/2021, bị đơn Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH có ông Tống Minh Nghĩa Q là đại diện trình bày:

Ngày 30/3/2019, Công ty DH ký hợp đồng thi công căn nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Lê Hồng P và bà Thái Thị T, tổng giá trị hợp đồng thi công xây dựng là 3.268.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T và ông P đã giao cho Công ty số tiền là 4,7 tỷ đồng. Trong đó 4 tỷ đồng thông qua chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông tên Tống Minh Nghĩa Q theo số tài khoản 0606161563040 tại Ngân hàng TMCP S – chi nhánh P – PGD T. Cụ thể các đợt nhận tiền như sau: Ngày 31/5/2019; ngày 26/6/2019; ngày 10/7/2019; ngày 22/7/2019; ngày 20/8/2019; ngày 09/9/2019; ngày 09/10/2019 và ngày 11/11/2019 mỗi lần nhận chuyển khoản là 500.000.000đ do cô Lê Hồng T con gái bà T, ông P chuyển cho ông. Riêng 700.000.000đ tiền mặt ông nhận vào các ngày: Ngày 26/3/2019 nhận 300.000.000đ; ngày 03/5/2019 nhận 300.000.000đ và ngày 27/5/2019 nhận 100.000.000đ. Tuy nhiên, ông đã giao lại cho bà T tổng số tiền là 1.400.000.000đ, cụ thể vào các ngày như sau:

- Ngày 31/5/2019, con gái bà T là cô Lê Hồng T chuyển khoản cho ông số tiền 500.000.000đ, đến khoảng hơn 15h ngày 03/6/2019 ông đã nhận được tiền và ra Ngân hàng rút tiền để đem về nhà vào khoảng 16h và có nhắn tin qua hệ thống Zalo để thông báo cho bà T là ông đã nhận được số tiền 500.000.000đ đợt 1 an toàn. Khoảng 17h ngày 03/6/2019, ông đã vào tận nhà bà T để giao số tiền 500.000.000đ có mặt ông P chồng bà T chứng kiến, do tin tưởng bà T, ông chỉ đưa tiền cho bà mà không yêu cầu bà ký xác nhận đã nhận số tiền này. Đồng thời, ngoài số tiền 500.000.000đ ông giao cho bà T ngày 03/6/20219, ông cũng giao lại cho bà T và bà T cũng thừa nhận có nhận lại tiền vào các ngày: 26/8/2019 là 200.000.000đ; 11/7/2019 là 300.000.000đ; 15/7/2019 là 200.000.000đ; 21/8/2019 là 100.000.000đ và 20/11/2019 là 100.000.000đ.

Đối với phần chi phí xây dựng mà phát sinh thêm so với hợp đồng là 277.000.000đ thì ông thống nhất với nguyên đơn. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng, Công ty DH có mượn tiền bà T và chi phí điện nước là 12.600.000đ, Công ty DH thừa nhận chưa thanh toán cho bà T. Như vậy, tổng số tiền bà T đưa cho Công ty gồm 4,7 tỷ đồng, bà T đã nhận lại 1,4 tỷ đồng, còn 3,3 tỷ đồng, trong khi đó tổng giá trị hợp đồng ban đầu là 3.268.000.000đ cùng chi phí phát sinh là 277.000.000đ – 12.600.000đ tiền mượn và chi phí điện nước, nếu tính ra bà T còn nợ lại Công ty DH là 232.400.000đ. Tuy nhiên, Công ty DH không yêu cầu

bà T trả số tiền này và xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Do đó, đối với yêu cầu của bà T, ông P buộc Công ty DH thanh toán số tiền 12.600.000đ tiền mượn và chi phí điện nước và số tiền là 255.000.000đ thì Công ty không đồng ý thanh toán.

Theo bản tự khai ngày 20/8/2020, ông Tống Minh Nghĩa Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trong quá trình thi công căn nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, ông P, bà T và cô Hồng T có vay tiền của Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Quận C để vay số tiền là 04 tỷ đồng, do Ngân hàng yêu cầu nên ông có lấy số tài khoản mang tên cá nhân Tống Minh Nghĩa Q số tài khoản 060161563040 tại Ngân hàng TMCP S PGD T để nhận chuyển khoản số tiền là 04 tỷ đồng, số tiền này ông đã rút toàn bộ để Công ty DH thi công nhà cho bà T, ông P. Hiện nay vụ kiện tranh chấp số tiền thi công giữa nguyên đơn với Công ty DH thì ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 13/7/2020, bà Lê Hồng T người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P là ba mẹ của bà. Tháng 3/2019, bà T, ông P lên kế hoạch xây dựng căn nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên ông, bà ký hợp đồng thi công xây dựng với Công ty DH do ông Tống Minh Nghĩa Q làm đại diện theo pháp luật. Sau đó gia đình bà có vay Ngân hàng TMCP V – chi nhánh NSG Quận C theo hợp đồng vay ngày 21/5/2019 để vay số tiền 04 tỷ đồng. Theo quy định của hợp đồng và Ngân hàng toàn bộ khoản tiền vay 04 tỷ đồng phải chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản người thụ hưởng trên hợp đồng là đại diện theo pháp luật của Công ty xây dựng thiết kế DH, số tiền chuyển khoản chia thành 08 lần và được chuyển khoản cho ông Q vào các ngày: Ngày 31/5/2019; ngày 26/6/2019; ngày 10/7/2019; ngày 22/7/2019; ngày 20/8/2019; ngày 09/9/2019; ngày 09/10/2019 và ngày 11/11/2019 mỗi lần nhận chuyển khoản là 500.000.000đ. Tổng số tiền 04 tỷ đồng do bà trực tiếp viết ủy nhiệm chi yêu cầu chuyển vào tài khoản người thụ hưởng là tài khoản cá nhân ông Tống Minh Nghĩa Q có số tài khoản 060161563040 tại Ngân hàng TMCP S phòng giao dịch T. Việc chuyển số tiền 04 tỷ đồng từ bà và Ngân hàng vào tài khoản của ông Q thì bà đã thực hiện xong. Về vấn đề tranh chấp số tiền thi công giữa bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P với Công ty DH không liên quan đến bà, vì bận công việc bà không thể tham gia tố tụng nên bà đề nghị Tòa án xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, bà cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì.

Theo biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt ngày lập ngày 13/7/2020 bà Trần Kim H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Khoảng cuối tháng 3/2019, bà có cho vợ chồng bà T, ông P vay số tiền 500.000.000đ để ông, bà xây dựng căn nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận

C, Thành phố Hồ Chí Minh và có tính lãi theo lãi suất Ngân hàng, vì tiền bà cũng gửi tiết kiệm trong Ngân hàng. Khi bà cho bà T, ông P vay tiền có viết giấy vay tiền, đến ngày 15/7/2019, bà T, ông P đã trả hết toàn bộ số tiền 500.000.000đ cho bà. Sau khi bà T, ông P trả xong thì bà cũng đã hủy giấy nợ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà có nghe số tiền bà T, ông P trả cho bà là do bà T, ông P vay từ Ngân hàng. Việc tranh chấp giữa bà T, ông P với Công ty DH bà hoàn toàn không biết gì và cũng không liên quan nên đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bà cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì.

Đại diện Ngân hàng TMCP V – chi nhánh NSG trình bày như sau:

Ngày 21/5/2019, bà Lê Hồng T, ông Lê Hồng P và bà Thái Thị T có ký hợp đồng tín dụng số BDS/56/19/0149.XSN để vay vốn tại Ngân hàng V chi nhánh NSG, để vay số tiền là 04 tỷ đồng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V – chi nhánh NSG đã chuyển khoản cho bà Hồng T số tiền 04 tỷ đồng. Tài sản ông P, bà T thế chấp là chính căn nhà 458/30 Đường A, khu phố 2, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Hồng T, ông P và bà T trong vụ án này. Hiện nay đối với việc tranh chấp giữa, ông P, bà T với Công ty DH về số tiền thi công xây dựng thì Ngân hàng không có ý kiến gì vì không có liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên đại diện Ngân hàng xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2020, người làm chứng ông Huỳnh Minh N trình bày:

Ông là nhân viên của Công ty DH giữ chức vụ là người quản lý nhân sự của Công ty DH, cũng là người trực tiếp tham gia thi công căn nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông P, bà T. Về các lần giao nhận tiền giữa ông Q với vợ chồng bà T thì ông N không chứng kiến và ông không biết hai bên giao nhận với nhau bao nhiêu tiền. Tuy nhiên, đoạn ghi âm do ông Q cung cấp cho Tòa thì do chính ông là người trực tiếp ghi âm, ông xác nhận tiếng nói người đàn ông trong đoạn ghi âm là của ông và tiếng nói người phụ nữ trong đoạn ghi âm là của bà Thái Thị T.

Tại bản án sơ thẩm số 164/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

“Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P về tranh chấp hợp đồng thi công công trình nhà 458/30 Đường A, khu

phố 2, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị đơn – Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH.

Buộc bị đơn – Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P tổng số tiền 267.600.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật... ”

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/6/2021, bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa P thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo, bị đơn Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH, Luật sư Nguyễn Văn T trình bày:

Ông P, bà T và Công ty DH ký “Hợp đồng thi công công trình nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” ngày 30/3/2019 với giá trị hợp đồng là 3.268.000.000đ, quá trình thực hiện phát sinh thêm 277.000.000đ, Công ty DH có nợ ông P bà T số tiền 12.600.000đ, hai bên không tranh chấp gì về giá trị hợp đồng đã thực hiện. Để có tiền thanh toán chi phí xây dựng, ông P bà T có nhờ ông Q ký thêm một hợp đồng thi công với bên thi công là cá nhân ông P để bổ sung hồ sơ vay tiền ngân hàng để vay số tiền 4 tỷ đồng, đây là quan hệ giữa ông P, bà T với ông Q, không liên quan đến Công ty DH. Công ty DH chỉ nhận của ông P bà T tất cả là 3,3 tỷ đồng. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thi công ngày 30/3/2019 thì Công ty DH đã cung cấp cho ông P, bà T hai số tài khoản của Công ty nhưng ông P, bà T không chuyển tiền vào hai tài khoản này mà chuyển tiền vào tài khoản cá nhân ông Q. Nếu có tranh chấp về số tiền này thì ông P, bà T có quyền khởi kiện cá nhân ông Q bằng một vụ án khác. Việc nguyên đơn yêu cầu Công ty DH và ông Q chịu trách nhiệm liên đới trả tiền cho ông P bà T tại phiên tòa P thẩm là không đúng. Nguyên đơn không phân biệt được giữa cá nhân và pháp nhân. Bị đơn không đồng ý với đề nghị này của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người kháng cáo, bị đơn Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH có ông Tổng Minh Nghĩa Q là đại diện trình bày:

Công ty DH chỉ nhận của ông P, bà T 3,3 tỷ đồng, gồm 700.000.000đ tiền mặt và 2.600.000.000đ tiền bà T ông P thanh toán tiền xây dựng trong tổng số tiền 4 tỷ đồng ông Q nhận qua tài khoản cá nhân của ông Q. Tổng giá trị hợp đồng ban đầu là 3.268.000.000đ, chi phí phát sinh là 277.000.000đ, trừ cho 12.600.000đ tiền Công ty mượn và chi phí điện nước, tính ra bà T còn nợ lại Công ty DH là 232.400.000đ. Công ty DH xác định không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà T trả số tiền 232.400.000đ trong vụ án này. Đối với yêu cầu của bà T, ông P buộc Công ty DH thanh toán số tiền 12.600.000đ tiền mượn và chi

phí điện nước và số tiền là 255.000.000 đồng thì Công ty không đồng ý thanh toán vì Công ty không nhận số tiền 4 tỷ đồng. Bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Lê Hồng P, bà Thái Thị T có đại diện theo ủy quyền ông Ngô Minh Đ, bà Võ Thị Bích N trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp tài liệu là “Hợp đồng xây dựng công trình nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” giữa bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P và ông Tống Minh Nghĩa Q có giá trị hợp đồng là 5.300.000.000đ có đầy đủ chữ ký của ông P và ông Q. Nguyên đơn xác nhận có nhờ cá nhân ông Tống Minh Nghĩa Q làm thêm một Hợp đồng thi công công trình để bổ sung hồ sơ vay tiền Ngân hàng V. Theo nguyên đơn, hai số tài khoản được ghi nhận tại Hợp đồng thi công ngày 30/3/2019 giữa ông P, bà T với Công ty DH là tài khoản cá nhân của bà Y, không phải tài khoản của Công ty DH, việc này là nhằm mục đích trốn thuế. Hợp đồng xây dựng giữa ông P bà T với ông Q không có liên quan đến việc chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông Q. Ông Q và Công ty DH là chủ thể không thể tách rời, ông Q sử dụng tài khoản cá nhân của mình để nhận tiền của bà T. Nguyên đơn, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Toà án cấp P thẩm bác kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, xử buộc Công ty DH và ông Q liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho ông P bà T số tiền 267.600.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Minh Nghĩa Q cung cấp tài liệu “Hợp đồng thi công công trình nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” giữa bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P và ông Tống Minh Nghĩa Q có giá trị hợp đồng là 5.300.000.000đ.

Ông Q trình bày: Để có tiền thanh toán tiền xây nhà nên ông P, bà T có nhờ ông làm thêm một bản hợp đồng thi công nhà với bên thi công là cá nhân ông Q để bổ sung vào bộ hồ sơ vay tiền và cung cấp thông tin về tài khoản cá nhân của ông để Ngân hàng chuyển khoản vào rồi đưa lại cho ông P bà T. Ông xác định Ngân hàng đã chuyển 8 đợt là 4 tỷ đồng vào tài khoản cá nhân ông Q và ông đã chuyển lại cho bà T theo yêu cầu của bà T, phần nào thanh toán cho việc thi công công trình thì bà T yêu cầu ông ký nhận trên Hợp đồng thi công do bà T giữ. Số tiền giao lại cho bà T là 1.400.000.000đ, số tiền bà T thanh toán chi phí xây dựng cho Công ty là 2.600.000.000đ. Việc bà T ông P chuyển 4 tỷ đồng là vào tài khoản cá nhân của ông theo đề nghị giúp đỡ vay tiền của họ, không phải là thanh toán cho Công ty DH. Cấp sơ thẩm xác định Công ty nhận số tiền này là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử P thẩm kê từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật dân sự, nhận thấy cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa chính xác bởi: Giữa Công ty DH và ông P bà T không có thỏa thuận về việc thanh toán tiền thi công xây dựng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản cá nhân của ông Q. Việc nguyên đơn cho rằng nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty thông qua tài khoản cá nhân của ông Q là không đúng. Cấp sơ thẩm xác định Công ty DH đã nhận 4 tỷ đồng từ ông P, bà T để thanh toán tiền thi công là không đúng và không có căn cứ. Tại phiên tòa P thẩm, các bên đương sự có thừa nhận việc ông P bà T có nhờ ông Q giúp đỡ trong việc vay tiền Ngân hàng bằng cách ông Q làm thêm một hợp đồng thi công khác với bên thi công là cá nhân ông Tống Minh Nghĩa Q và nhận tiền vay được thông qua tài khoản cá nhân ông Q. Căn cứ Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng V và ông P bà T xác định Ngân hàng chuyển tiền cho cá nhân ông Q, không phải chuyển tiền cho Công ty DH. Căn cứ hợp đồng thi công ngày 30/3/2019, ông Q đại diện Công ty DH chỉ xác nhận trên hợp đồng nhận số tiền là 3.300.000.000đ, trong khi giá trị hợp đồng đã thực hiện là 3.545.000.000đ, đúng ra nguyên đơn còn thiếu bị đơn 232.400.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đề nghị sửa án sơ thẩm xử buộc Công ty DH và ông Q phải liên đới chịu trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 267.600.000đ, do nguyên đơn không có kháng cáo nên đề nghị này của nguyên đơn là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa bà T, ông P và Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH là “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” và xác định về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở bị đơn Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH hiện có trụ sở hoạt động tại 21 Đường 48C, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định.

Do ông Tống Minh Nghĩa Q có liên quan đến việc nguyên đơn cho rằng mình đã chuyển tiền qua tài khoản cá nhân của ông Q để thanh toán tiền xây dựng cho bị đơn nên Cấp sơ thẩm xác định ông Tống Minh Nghĩa Q là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định.

Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên việc chuyển hồ sơ kháng cáo và việc giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm còn bị kéo dài.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, xác định:

[2.1] Ngày 30/3/2019, bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P và Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH có ký kết Hợp đồng thi công công trình nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng giá trị hợp đồng là 3.268.000.000đ, trong quá trình thi công công trình thì chi phí xây dựng phát sinh thêm ngoài hợp đồng là 277.000.000đ, tổng giá trị của hợp đồng là 3.545.000.000đ.

Hợp đồng thi công ký ngày 30/3/2019 có nội dung về các thông tin liên quan đến Bên B là Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH đã ghi rõ về hai số tài khoản của Công ty DH là “1903206075037 Ngân hàng A - CN KT, 108868244439 Ngân hàng VI- CN T” và thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng về phương thức thanh toán là “*Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền hay chuyển khoản*”. Hai số tài khoản này không trùng khớp với số tài khoản cá nhân của ông Q đã được nguyên đơn chuyển số tiền 4 tỷ đồng.

Hai bên đương sự thực hiện hợp đồng này xác định hai bên không tranh chấp về quá trình ký kết thực hiện hợp đồng, không tranh chấp về chất lượng thi công công trình, thống nhất giá trị công trình đã được thực hiện. Hai bên xác định chỉ có tranh chấp về quá trình thanh toán hợp đồng giữa hai bên.

[2.2] Về thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, các bên đương sự thống nhất xác định nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền 700.000.000đ vào các ngày 26/3/2019 là 300.000.000đ; ngày 03/5/2019 là 300.000.000đ và ngày 27/5/2019 là 100.000.000đ (trong đó số tiền 300.000.000đ được thanh toán ngày 26/3/2019 thực hiện trước khi ký kết hợp đồng chính thức) – Được thể hiện rõ trên Hợp đồng thi công công trình nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/3/2019 (tài liệu do nguyên đơn cung cấp).

[2.3] Do cá nhân ông Tống Minh Nghĩa Q là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH (là bị đơn) nên có sự nhầm lẫn, chông chéo về vai trò và tư cách của ông Tống Minh Nghĩa Q trong lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn nhưng Cấp sơ thẩm không làm rõ, cụ thể:

[2.3.1] Nguyên đơn xác định ký hợp đồng thi công với bị đơn là Công ty DH, đã thanh toán tiền mặt là 700.000.000đ cho Công ty ông Q, đã thực hiện

thanh toán 4 tỷ đồng vào tài khoản cá nhân của ông Q (không đúng với số tài khoản mà Công ty DH đã cung cấp được ghi nhận trong hợp đồng thi công ngày 30/3/2019) và xác định Công ty ông Q đã nhận 4,7 tỷ đồng. Lời trình bày này là có sự nhập nhằng, lẫn lộn giữa cá nhân ông Q và Công ty DH.

[2.3.2] Bị đơn trong lời khai, lời trình bày của mình tại Cấp sơ thẩm, lúc thì trình bày với vai trò là Công ty, lúc thì trình bày trên cơ sở cá nhân ông Q. Sự chông chéo, nhầm lẫn này không được Cấp sơ thẩm làm rõ.

[2.3.3] Ngay cả khi tiến hành lập Biên bản lấy lời khai của đương sự là bị đơn Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH, Cấp sơ thẩm lấy lời khai bị đơn là Công ty (do ông Q đại diện) nhưng câu hỏi được Cấp sơ thẩm đưa ra lại là những câu hỏi đối với cá nhân ông Q. Việc này đã ảnh hưởng đến nhận định của Cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án do đánh giá chứng cứ không đúng với bản chất sự việc.

[2.3.4] Cấp sơ thẩm không làm rõ lý do tại sao nguyên đơn thanh toán cho bị đơn 4,7 tỷ đồng trong khi giá trị hợp đồng ban đầu là 3.268.000.000đ, cộng với trong quá trình thi công công trình thì chi phí xây dựng phát sinh thêm ngoài hợp đồng là 277.000.000đ, tổng giá trị của hợp đồng là 3.545.000.000đ các bên đương sự đều biết rõ.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/4/2022, trên cơ sở lời khai của các bên đương sự và các tài liệu:

- Tài liệu do ông Tống Minh Nghĩa Q cung cấp tại phiên tòa là “Hợp đồng thi công công trình nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” giữa bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P và ông Tống Minh Nghĩa Q có giá trị hợp đồng là 5.300.000.000đ”, không ghi ngày ký hợp đồng, không có chữ ký các bên nhưng được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận có sự việc nguyên đơn nhờ ông Tống Minh Nghĩa Q ký thêm một Hợp đồng thi công để bổ sung hồ sơ vay tiền ngân hàng thanh toán tiền xây dựng nhà.

- Đại diện nguyên đơn cũng cung cấp tại phiên tòa P thẩm “Hợp đồng thi công công trình nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” giữa bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P và ông Tống Minh Nghĩa Q có giá trị hợp đồng là 5.300.000.000đ, ngày ký hợp đồng là 21/3/2019 và có đầy đủ chữ ký của ông P và ông Q.

- Tài liệu “Hợp đồng cho vay số BDS/56/19/0149.XSN ngày 21/5/2019” được ký kết giữa Bên cho vay là Ngân hàng TMCP V và bên vay là bà Lê Hồng T, ông Lê Hồng P, bà Thái Thị T với mục đích sử dụng vốn vay là “thanh toán chi phí xây dựng nhà 458/30 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” (Điều 5 – 5.1.1 của Hợp đồng cho vay) và thông tin bên thi công là “Tống Minh Nghĩa Q, địa chỉ Đường số 48C, Phường I, Quận K, TP.HCM; Điện thoại 090370xxxx; Tài khoản 0601.6156.3040 – Ngân hàng S PGD T, TP.HCM”

- Tài liệu Công văn số 63/2020/CV-PGDTT ngày 16/7/2020 của Ngân hàng S, chi nhánh B, Phòng giao dịch T và “Sổ phụ TK tiền gửi” (Bút lục 436,

437, 438) do Ngân hàng S cung cấp tại Cấp sơ thẩm đủ căn cứ xác định: Tài khoản có số 0601.6156.3040 tại Ngân hàng S – PGD T, TP.HCM là tài khoản cá nhân của ông Tổng Minh Nghĩa Q;

Các bên đương sự gồm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tổng Minh Nghĩa Q xác định: để thi công ngôi nhà này, vợ chồng ông P bà T và con gái là bà Lê Hồng T có ký hợp đồng vay với Ngân hàng V Chi nhánh NSG số tiền 4.000.000.000đ để thanh toán tiền hợp đồng thi công cho bên Công ty Tổng Minh Nghĩa Q. Ông P bà T có nhờ ông Q làm thêm một bản hợp đồng thi công nhà với bên thi công là cá nhân ông Q. Theo quy định và yêu cầu của ngân hàng, số tiền 4 tỷ đồng nêu trên được chuyển khoản vào tài khoản cá nhân ông Q thành 08 đợt, mỗi đợt 500.000.000đ theo lệnh ủy nhiệm chi của người đứng tên vay tiền.

Hội đồng xét xử P thẩm xác định việc thanh toán qua ngân hàng trong vụ việc tranh chấp nói trên là được thực hiện giữa bà Lê Hồng T, ông Lê Hồng P, bà Thái Thị T với ông Tổng Minh Nghĩa Q, không phải thanh toán trực tiếp cho bị đơn Công ty DH.

[2.5] Số tiền 4 tỷ đồng nguyên đơn vay Ngân hàng V đã được thanh toán chuyển khoản vào tài khoản cá nhân ông Tổng Minh Nghĩa Q chia thành tám đợt vào các ngày **31/5/2019**; 27/6/2019; **10/7/2019**; 23/7/2019; 20/8/2019; 09/9/2019; 09/10/2019; 11/11/2019 với mỗi đợt chuyển khoản là 500.000.000đ – đã được ông Tổng Minh Nghĩa Q xác nhận đã nhận và rút tiền từ Ngân hàng S vào các ngày sau đó. Trong đó:

[2.5.1] Các khoản tiền không được ghi nhận bằng nội dung viết tay và ký nhận trên Hợp đồng thi công ngày 30/3/2019 (tài liệu do nguyên đơn cung cấp) gồm:

- Số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản qua Ngân hàng V ngày **31/5/2019** và được ông Q rút ra từ Ngân hàng S ngày 03/6/2019. Số tiền này được ông Q trình bày *“ông đã vào tận nhà bà T để giao số tiền 500.000.000đ có mặt ông P chồng bà T chứng kiến, do tin tưởng bà T, ông chỉ đưa tiền cho bà mà không yêu cầu bà ký xác nhận đã nhận số tiền này. Thời điểm ông giao số tiền này cho bà T lúc đó khoảng từ 17h đến 17h12 phút vào ngày 03/6/2019”* **(không lập giấy tờ về giao nhận tiền giữa bà T, ông P và ông Q)**

- Số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản qua Ngân hàng V ngày **10/7/2019** và được ông Q rút ra từ Ngân hàng S ngày 11 và 15/7/2019. Số tiền này được nguyên đơn xác định là *“ngày 11/7/2019 là 200.000.000đ và 15/7/2019 là 300.000.000đ (để trả nợ cho bà Trần Kim H, các tin nhắn trao đổi zalo giữa bà T và ông Q thể hiện rõ việc ông Q chuyển lại bà T 02 lần với tổng số tiền 500.000.000đ để trả nợ bà H”* và ông Q xác định là *“ông cũng giao lại cho bà T và bà T cũng thừa nhận có nhận lại tiền vào các ngày: ... 11/7/2019 là 300.000.000đ; 15/7/2019 là 200.000.000đ;...”* **(không lập giấy tờ về giao nhận tiền giữa bà T, ông P và ông Q)**

[2.5.2] Các khoản tiền được ghi nhận bằng nội dung viết tay và ký nhận trên Hợp đồng thi công ngày 30/3/2019 giữa Công ty DH và ông P bà T (tài liệu do nguyên đơn cung cấp) gồm:

- Số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản qua Ngân hàng V ngày 27/6/2019 và được ông Q rút ra từ Ngân hàng S ngày 28/6/2019 được ghi nhận với nội dung “*ngày 28/6/2019 Q nhận 500 triệu từ tài khoản ngân hàng, sau đó gửi lại chị T 200 triệu -> Q nhận 300 triệu*”;

- Số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản qua Ngân hàng V ngày 23/7/2019 và được ông Q rút ra từ Ngân hàng S ngày 23/7/2019 được ghi nhận với nội dung “*23/7/2019 Q nhận 500 triệu (năm)*”;

- Số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản qua Ngân hàng V ngày 20/8/2019 và được ông Q rút ra từ Ngân hàng S ngày 21/8/2019 được ghi nhận với nội dung “*21/8/2019 Q ứng 400 T (bốn)*”;

- Số tiền 500.000.000đ chuyển khoản qua Ngân hàng V ngày 09/9/2019, Số tiền 500.000.000đ chuyển khoản qua Ngân hàng V ngày 09/10/2019 và Số tiền 500.000.000đ chuyển khoản qua Ngân hàng V ngày 11/11/2019, được ghi nhận với nội dung “*20/11/2019 Đi Mỹ (trước) nhận 2 x 500T = 1 tỷ; Sau khi đi Mỹ 500T; Q gửi lại chị 100 triệu (trăm)*”

Ông Q ký nhận tiền với những nội dung trên trên hợp đồng thi công ngày 30/3/2019 với vai trò đại diện cho Công ty DH là phù hợp vì ông Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty DH. Tổng số tiền ông Q đã nhận nêu trên là 2.600.000.000đ.

[2.5.3] Với những phân tích về các khoản tiền được giao nhận nêu trên, đủ cơ sở nhận định:

- Giữa nguyên đơn ông P bà T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Q có thỏa thuận: nguyên đơn nhờ cá nhân ông Q ký một hợp đồng thi công khác có giá trị cao để vay số tiền 4 tỷ đồng từ Ngân hàng V với mục đích thanh toán tiền thi công xây dựng nhà của nguyên đơn và sử dụng tài khoản cá nhân của ông Q để Ngân hàng V chuyển tiền vào, theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay.

- Cá nhân ông Q sau khi nhận tiền do Ngân hàng V chuyển đến, sẽ thực hiện việc rút tiền từ tài khoản của mình tại Ngân hàng S chuyển lại cho bà T ông P theo yêu cầu mà không cần thiết phải lập văn bản tài liệu thể hiện việc giao nhận tiền giữa hai bên.

- Đối với những khoản tiền sử dụng vào mục đích thanh toán chi phí xây dựng, ông Q với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty DH sẽ ký tên xác nhận vào bản Hợp đồng thi công ngày 30/3/2019 do nguyên đơn là ông P bà T giữ. Nhận định này phù hợp với các khoản tiền được ghi nhận bằng nội dung viết tay và ký nhận trên Hợp đồng thi công ngày 30/3/2019 như đã thống kê tại mục [2.5.2].

[2.6] Cần xác định giá trị hợp đồng đã được thực hiện là 3.545.000.000đ, trừ đi tiền mượn và chi phí điện nước là 12.600.000đ, còn 3.532.400.000đ. Bà T ông P đã thanh toán cho Công ty DH là 3.300.000.000đ (ghi nhận tại mục [2.2] + ghi nhận tại mục [2.5.2]). Như vậy bà T ông P còn nợ lại Công ty DH là 232.400.000đ. Trong vụ kiện này, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xem xét đối với số tiền 232.400.000đ nguyên đơn còn nợ bị đơn. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp về số tiền này, bị đơn có quyền khởi kiện nguyên đơn bằng một vụ án khác.

[2.7] Do đó Cấp sơ thẩm nhận định “*Bị đơn đã nhận 4,7 tỷ đồng, bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn là 900.000.000đ, số tiền bị đơn thực nhận là 3.800.000.000đ, giá trị hợp đồng là 3.545.000.000đ, số tiền bị đơn mượn và chi phí điện nước còn nợ nguyên đơn là 12.600.000đ. Do đó, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền thanh toán chênh lệch thừa 255.000.000đ và 12.600.000đ tiền mượn và chi phí điện nước là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 267.600.000đ*” là chưa chính xác.

[2.8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng với bản chất của quá trình thanh toán thực hiện Hợp đồng thi công ngày 30/3/2019 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.9] Đối với đề nghị của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm về việc “sửa bản án sơ thẩm, xử buộc Công ty DH và ông Q liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho ông P bà T số tiền 267.600.000đ”, do nguyên đơn không kháng cáo, đề nghị này của nguyên đơn là vượt quá phạm vi xét xử P thẩm, vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được Hội đồng xét xử P thẩm chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tính trên số tiền mà nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận là 267.600.000 đồng, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.380.000 đồng

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn - Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH.

- Về nội dung: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn - Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 21, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 158 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc “Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH tiến hành thanh lý hợp đồng và hoàn trả lại số tiền 267.600.000 đồng cho vợ chồng ông Lê Hồng P, bà Thái Thị T”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P phải chịu là 13.380.000 (Mười ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn) đồng, được căn trừ số tiền 6.690.000 (Sáu triệu, sáu trăm chín mươi ngàn) đồng nguyên đơn đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0061189 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn bà Thái Thị T, ông Lê Hồng P còn phải nộp số tiền 6.690.000 (Sáu triệu, sáu trăm chín mươi ngàn) đồng.

3. Án phí dân sự P thẩm: Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho Công ty TNHH xây dựng và tư vấn thiết kế DH số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí P thẩm số AA/2021/0032602 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.